

Bản án số: **64/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 12/8/2019
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương
2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2019/TLST–HNGĐ ngày 22/5/2019, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: khóm ĐA2, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1990

Hộ khẩu thường trú: khóm ĐA 4, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG (Hiện đang cai nghiện tại cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh AG) (Có yêu cầu xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày Chị và anh Trần Minh H tự quen biết và đi đến hôn nhân năm 2010, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy kết hôn ngày 06/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc đến

đầu năm 2019 thì xảy ra rất nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, nguyên nhân anh H không chăm lo cho gia đình chỉ tụ tập cùng bạn bè xấu sử dụng ma túy bị công an đưa đi cai nghiện nhưng sau khi gia đình bảo lãnh về anh H vẫn không sửa đổi mà tiếp tục sử dụng ma túy gây ảo giác thường xuyên đòi giết chị và các con. Bản thân chị T và các con phải sống trong lo sợ, anh H bị công an đưa đi cai nghiện lần thứ hai và cả hai bên không còn tình cảm với nhau. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh H

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 06/8/2011 và Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2013. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần trình bày của bị đơn anh Trần Minh H: Vắng mặt suốt quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có văn bản trình bày.

Đồng thời, anh H có yêu cầu xét xử vắng mặt tại biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 29/5/2019 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập với nội dung anh H yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh H có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ngày 29/5/2019 tại biên bản ghi ý kiến của đương sự với nội dung yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Trần Minh H, về quan hệ con chung cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2013 hiện con chung đang được chị T chăm sóc, ổn định sau khi ly hôn giao cho chị T nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Minh H có ý kiến xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai vào ngày 29/5/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về thẩm quyền*: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Minh H đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T có ý kiến trình bày chị T và anh H hôn nhân tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2010, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2011 ngày 06/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, theo chị T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho gia đình, chỉ tụ tập cùng bạn bè xấu sử dụng ma túy dẫn đến bị công an đưa đi cai nghiện nhưng sau khi gia đình bảo lãnh về anh H vẫn không sửa đổi mà tiếp tục sử dụng ma túy gây ảo giác thường xuyên đòi giết chị T cùng các con khiến chị và các con phải sống trong lo sợ. Từ đầu năm 2019, anh H bị công an đưa đi cai nghiện lần thứ hai tại cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh AG và tại phiên tòa chị T xác định hiện nay chị không còn tình cảm với anh H nên chị cương quyết xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2019 tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang thì anh Trần Minh H có ý kiến trình bày anh không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không đưa ra được biện pháp hàn gắn với chị T. Tuy nhiên, anh H có trình bày anh thống nhất về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo trình bày của chị T và anh H thừa nhận anh có đánh chị T, có sử dụng ma túy và do đang cai nghiện tại trung tâm nên anh H đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị T không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh H, còn anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có giải pháp hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Hôn nhân giữa chị T với anh H không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2019 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Minh H.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn chị T trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị T và anh H chung sống với nhau có 02 con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 06/8/2011 và Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Như Ý và cháu Khánh chưa thành niên mặc dù đang sống cùng với ông bà nội nhưng được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của các cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của con chung không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên chị T, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu N mong muốn sống cùng với mẹ. Đồng thời, cả chị T và anh H thống nhất để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng nên thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là vì con chung, sự thỏa

thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên chị T xác định không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Trần Minh H

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Trần Minh H.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu

2.3. Chị T phải tạo điều kiện cho anh H trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

4. *Về án phí sơ thẩm*:

4.1. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003092 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 21/5/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh H không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Trần Minh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy